

trường có liên quan. Nước thải phải được thu gom, xử lý, tái sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để tái sử dụng hoặc xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra môi trường. Khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường tại cơ sở phát sinh trước khi thải ra môi trường. Nhà nước khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải và thu hồi năng lượng từ chất thải. Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải có trách nhiệm nộp phí, giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật. Khuyến khích áp dụng các công nghệ xử lý chất thải thân thiện với môi trường. Việc sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải phải tuân theo quy định của pháp luật.

II. THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Thực trạng môi trường

Sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước đã dành được nhiều thành tựu quan trọng. Nền kinh tế phát triển nhanh và ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, đời sống của Nhân dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, đi kèm với sự phát triển kinh tế - xã hội là nguy cơ ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, tác động sự phát triển bền vững của đất nước và bảo vệ sức khỏe của Nhân dân, cụ thể:

- Tình trạng ô nhiễm môi trường diễn biến phức tạp, khó quản lý, ngày càng có nhiều điểm nóng, chất lượng môi trường nhiều nơi suy giảm, đặc biệt tập trung tại các khu vực trung tâm thành phố, đô thị, khu vực phát triển kinh tế; đa dạng sinh học và chất lượng rừng suy thoái, hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm môi trường đất và các loại chất thải ngày càng gia tăng gây hậu quả nghiêm trọng tác động đến an ninh sinh thái trở thành nguy cơ cản trở lớn đến mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

- Tình trạng về ô nhiễm nước mặt các lưu vực sông ở nước ta, đó là sông Nhuệ - Đáy, Bắc Hưng Hải, sông Cầu, Vu Gia - Thu Bồn, Đồng Nai - Sài Gòn... diễn biến theo chiều hướng xấu, trong đó lượng nước thải đô thị ngày càng lớn và chưa được xử lý triệt để, nước thải trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước mặt trong các khu đô thị; cơ sở hạ tầng thu gom, xử lý chất thải chưa được coi trọng và đáp ứng yêu cầu. Hiện nay, nhiều dòng sông không còn khả năng tự làm sạch, nguồn nước mặt đã hết khả năng tiếp nhận chất thải và trở thành nơi tiêu thoát, chứa nước thải, rác thải.

- Ô nhiễm không khí, đặc biệt là ô nhiễm bụi (PM_{10} , $PM_{2.5}$) đang là vấn đề cảnh báo ở nước ta, tác động tiêu cực đến sức khỏe, đời sống của Nhân dân, nhất là đối với khu vực trung tâm, đô thị (TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh). Nồng độ bụi ở đô thị vượt quá chỉ tiêu cho phép, trong đó thường cảnh báo nồng độ khí thải CO_2 vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1,5 đến 2,5 lần. Đặc biệt, vấn đề ô nhiễm tiếng ồn ở các khu dân

cư đang là thách thức lớn đối với các thành phố. Tình trạng ô nhiễm không khí trong thời gian qua tại một số địa phương xảy ra liên tiếp ở một số ngày trong năm, do các nguồn phát thải vào không khí kết hợp với các yếu tố khí tượng, khí hậu, hiện tượng thời tiết sương mù đã làm cho tình trạng ô nhiễm không khí trở nên trầm trọng hơn.

- Ô nhiễm các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề đang là vấn đề đáng lo ngại, trong đó chất thải rắn có tính cấp bách và cần có giải pháp, ưu tiên xử lý hiện nay. Nhiều thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại, rác thải nhựa phát sinh hàng năm. Đa số chất thải rắn chưa được phân loại tại nguồn, việc thu gom còn nhiều hạn chế (chủ yếu chôn lấp không bảo đảm vệ sinh phát tán mùi ô uế). Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường cả nước có hơn 5.400 làng nghề (riêng Hà Nội có 1.350 làng nghề) trong đó 95% cơ sở hoạt động gây ô nhiễm môi trường và 50% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, vì đa số những doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất có quy mô nhỏ, sử dụng công nghệ lạc hậu, không được quan tâm về việc xử lý chất thải, nước thải, thu, gom rác...

- Ô nhiễm trên biển diễn biến ngày càng phức tạp, chưa có biện pháp xử lý triệt để, nhất là rác thải nhựa, nạo vét nhận chìm vật liệu, phế liệu; ô nhiễm dầu từ các hoạt động khai thác dầu khí, giao thông vận tải biển; sự cố tràn dầu trên biển đã ảnh hưởng lớn đến các vùng ven biển ở nước ta, nhất là các chất có nguồn gốc từ đất liền thải ra đã và đang gây ảnh hưởng tới chất lượng nước biển ven bờ ...

- Ô nhiễm môi trường đất và thoái hóa đất do dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật, thuốc diệt cỏ, phân bón hóa học, các loại chất thải khác ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống.

- Hệ sinh thái tự nhiên có xu hướng giảm, bị chia cắt và thu hẹp về diện tích, chất lượng giảm dẫn đến xu hướng mất cân bằng sinh thái, giảm chức năng phòng hộ, mất nguồn cung cấp nước ngầm, mất nơi sinh cư và sinh sản của các loài vật, đặc biệt số loài, cá thể loài hoang dã bị giảm mạnh vì bị săn bắt, khai thác, buôn bán trái phép...nguy cơ bị tuyệt chủng, mất an ninh sinh thái ngày càng rõ.

Thực trạng môi trường nước ta đang đứng trước thách thức lớn trong những năm qua. Đó là, sự gia tăng và khó kiểm soát, xảy trên diện rộng đã ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, sức khỏe của người dân, giống lên hồi chuông cảnh báo về phát triển kinh tế - xã hội thiếu bền vững. Quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường, nhất là bảo vệ môi trường đi cùng với vấn đề biến đổi khí hậu, nước biển dâng đang đặt ra những vấn đề cấp thiết đối với sự phát triển bền vững của đất nước trong những năm tới (Việt Nam là một trong 5 nước chịu tác động mạnh nhất của biến đổi khí hậu).

Nhiệm vụ bảo vệ môi trường là hết sức nặng nề, đòi hỏi quyết tâm chính trị rất cao của cả hệ thống chính trị và toàn thể Nhân dân nỗ lực thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường để sớm ngăn chặn những nguy cơ, thách thức từ ô nhiễm môi trường.

2. Công tác bảo vệ môi trường ở nước ta

2.1. Bộ máy quản lý nhà nước

- *Bộ Tài nguyên và Môi trường* là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản và môi trường,... trong đó Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở Trung ương với 18 tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường là các tổ chức, cá nhân giúp việc ủy ban nhân dân các cấp quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương; riêng đối cấp xã, phường, thị trấn còn có lực lượng công chức địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc công chức địa chính - xây dựng - nông nghiệp và môi trường (đối với xã).

Trong những năm qua, bộ máy quản lý nhà nước của ngành Tài nguyên và Môi trường đã được kiện toàn, bổ sung, hoàn thiện từ Trung ương đến địa phương và triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả, như: Hình thành và vận hành tốt mô hình quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên cơ sở một đầu mối tập trung, thống nhất chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý Nhà nước về tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu. Gắn kết chặt chẽ các lĩnh vực quản lý với nhau thông qua việc lồng ghép ngay từ khâu xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch... đến triển khai thực hiện nhiệm vụ, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý có liên quan giữa các bộ, ngành cũng được tăng cường thông qua việc ban hành các thông tư liên tịch, các quy chế phối hợp liên ngành; chỉ đạo thực hiện của Bộ với các địa phương được tập trung, thống nhất, qua đó đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành và địa phương trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tổ chức bộ máy của ngành tài nguyên và môi trường ở địa phương cũng đã nhanh chóng được thành lập, củng cố, kiện toàn và đi vào hoạt động ổn định. Công tác cải cách thủ tục hành chính được tiến hành triển khai mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực thông qua việc giảm các bước, quy trình xử lý công việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

- *Tổng cục Môi trường*: là cơ quan trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học trong phạm vi cả nước; quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục theo quy định của pháp luật. Tổng cục có chức năng, nhiệm vụ: (1) đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường; (2)

tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; tổ chức thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật...; (3) hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo về công tác thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, kiểm soát nguồn ô nhiễm trong quá trình thi công xây dựng và vận hành thử nghiệm dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật,...

2.2. Năng lực thực thi pháp luật và bảo vệ môi trường của ngành Tài nguyên và Môi trường

- Đảng và Nhà nước xác định bảo vệ môi trường là một trong nhiệm vụ quan trọng để phát triển kinh tế bền vững và có hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về bảo vệ môi trường đồng bộ, thống nhất, thường xuyên tổng kết, đánh giá để bổ sung hoàn thiện các quan điểm, chính sách cho phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước cũng như xu thế bảo vệ môi trường của quốc tế, như: bổ sung, hoàn thiện Luật Bảo vệ môi trường vào năm 2005, 2014, 2020, cùng với một số nghị định về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường (Nghị định số 18/2015/NĐ-CP...), tham gia ký kết các văn bản pháp lý quốc tế như Công ước đa dạng sinh học, Công ước Ramsar, Công ước Luật biển 1982,... đồng thời tăng cường ban hành nhiều chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn lực để bảo vệ môi trường, đặc biệt kịp thời kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương, để tăng cường tổ chức bộ máy của ngành hoàn thiện theo hướng tinh gọn, thống nhất quản lý và hoạt động hiệu quả, cụ thể:

- Việc kiểm soát nguồn ô nhiễm môi trường: Ngày càng chặt chẽ, bảo đảm quy trình, chất lượng, hiệu quả như: có khoảng 5.000 dự án đầu tư đã thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thẩm định, phê duyệt 1.558 báo cáo; các địa phương, bộ, ngành thẩm định, phê duyệt đối với 3.442 báo cáo. Hoạt động kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên cả nước có 250/280 khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung (đạt 89%); có 219/250 khu công nghiệp đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (đạt 87,6%); có 276/698 cụm công nghiệp có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường (đạt 40%) và 115 cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung; có 25/115 cụm công nghiệp có hệ thống quan trắc tự động nước thải (đạt 21,7%). Đặc biệt, các địa phương đã phối hợp, thực hiện cam kết đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông (sông Cầu, Nhuệ và sông Đáy, hệ thống sông Đồng Nai), trong đó có 22 tỉnh, thành phố trên 3 lưu vực sông đã triển khai thực hiện và 16 tỉnh, thành phố trên lưu vực sông Nhuệ, Đáy và hệ thống sông Đồng Nai đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông. Xử lý quyết liệt, triệt để 407 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (thực hiện theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg) đạt tỷ lệ 92,71% và 312 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (thực hiện theo Quyết định số

1788/QĐ-TTg) đạt tỷ lệ 72,7%. Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất ngày càng chặt chẽ, hiệu quả, nhất là thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tăng lên trong khu vực nội thành, thành thị, trung bình đạt 92%, khu vực nông thôn đạt gần 70%; có 118 cơ sở xử lý chất thải nguy hại trên toàn quốc (Bộ Tài nguyên – Môi trường cấp phép). Hiện nay, cả nước có gần 400 đơn vị đã được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; 15 tổ chức được chỉ định tham gia hoạt động giám định phế liệu nhập khẩu.

- Quản lý chất lượng môi trường: Các hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường được tăng cường, thúc đẩy tổ chức thực hiện đồng bộ; xử lý nghiêm, dứt điểm tình trạng ô nhiễm môi trường tồn lưu do hóa chất bảo vệ thực vật, như kiểm soát chặt chẽ 440 khu vực môi trường bị ô nhiễm, gần 300 bệnh viện cấp tỉnh, huyện, 53 bãi rác và xử lý gần 70 kho thuốc bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường.

- Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Tăng cường triển khai các chương trình bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm, trong đó tăng thêm 6 khu bảo tồn, 2 khu Ramsar, 10 vườn di sản ASEAN (hiện nay có 172 khu bảo tồn).

- Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm: Triển khai thực hiện giám sát các cơ sở có nguy cơ ô nhiễm nghiêm trọng tại 3 miền Bắc, Trung, Nam, trong đó thực hiện kiểm tra, thanh tra gần 4.000 cơ sở, khu công nghiệp; xử phạt 1.410 cơ sở với số tiền 242 tỷ đồng, đặc biệt thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận ý kiến phản ánh về ô nhiễm môi trường từ Trung ương đến địa phương, cụ thể đã tiếp nhận gần 2000 thông tin phản ánh và xử lý theo thẩm quyền của cấp Trung ương và địa phương.

- Quan trắc thông tin, báo cáo môi trường: Duy trì 9 chương trình quan trắc môi trường tại các lưu vực sông, nước mặt, 03 chương trình quan trắc môi trường tại các vùng kinh tế trọng điểm, 02 chương trình quan trắc tác động (lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy, sông Mã, sông Hồng – sông Thái Bình; sông Đà, sông cả La, sông Trà Khúc; hệ thống sông Đồng Nai; nước mặt vùng Tây Nam Bộ; Vu Gia – Thu Bồn,...).

- Tỷ lệ che phủ rừng ngày càng tăng cao; dân số ở thành thị sử dụng nước sạch đạt 90%; công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai được chú trọng, trong đó coi trọng tính dự báo, cảnh báo ngày càng hoạt động chuyên nghiệp, chủ động trong mọi tình huống. Công tác bảo tồn đa dạng sinh học đã được một số kết quả bước đầu khả quan.

2.3. Nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới của ngành tài nguyên và môi trường

- Nghiên cứu khoa học và công nghệ: Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện hiệu quả các đề tài khoa học công nghệ trong lĩnh vực môi trường thuộc Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp Bộ “Nghiên cứu, ứng dụng

tiến bộ khoa học và công nghệ trong quản lý và BVMT giai đoạn 2016 - 2020” mã số TNMT.04/16-20 và phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ BVMT và phòng tránh thiên tai” (mã số KC.08/16-20), trong đó 15/38 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện thuộc lĩnh vực môi trường, chiếm 39,8%; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia khác. Đồng thời tập trung vào nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, các mô hình phát triển kinh tế xanh; phối hợp với các bộ, ngành liên quan hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, dự án chuyển giao công nghệ. Có nhiều nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm góp phần giải quyết những vấn đề môi trường bức xúc, như: đánh giá và lựa chọn công nghệ thân thiện môi trường để xử lý CTNH, ô nhiễm chất hữu cơ; cải tạo và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học tại Việt Nam; bồi thường thiệt hại về môi trường; đánh giá tác động môi trường đối với dự án nhà máy điện hạt nhân; tính tải lượng ô nhiễm nguồn nước sông... Nhìn chung, các doanh nghiệp trong nước đã bước đầu có khả năng tự thiết kế và chế tạo tương đối đủ các loại hình công nghệ xử lý chất thải phổ biến, đã xuất hiện những mô hình công nghệ xử lý chất thải của Việt Nam phù hợp với yêu cầu quốc tế. Tuy nhiên, việc sản xuất thiết bị xử lý chất thải ở nước ta hiện nay còn ở tình trạng cá thể, đơn chiếc, quy mô nhỏ.

Tại địa phương, nhiều chương trình, dự án nghiên cứu khoa học về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học đã được tích cực triển khai, như: dự án nghiên cứu giải pháp XLNT chăn nuôi sau biogas bằng phương pháp Wetland (tỉnh Bình Định); đề tài “Đánh giá hiện trạng, dự báo diễn biến đa dạng sinh học; chất lượng các thành phần môi trường tại Ninh Thuận phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trọng điểm phía Nam của tỉnh” (tỉnh Ninh Thuận), đề tài “Nghiên cứu đặc điểm sinh thái học, hiện trạng phân bố và nuôi bán tự nhiên loài ếch hương, đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn và sử dụng bền vững” (tỉnh Lạng Sơn). Kết quả của các chương trình, dự án, đề tài khoa học và công nghệ đã đóng góp không nhỏ vào việc ứng dụng, triển khai các kết quả, tiến bộ khoa học công nghệ trong giám sát, phòng ngừa, xử lý ô nhiễm môi trường. Nhiều quy trình công nghệ thân thiện với môi trường, nhiều công nghệ mới trong xử lý ô nhiễm đất, nước và không khí đã được đưa vào nghiên cứu xây dựng và góp phần kiểm soát hiệu quả ô nhiễm môi trường.

- Ứng dụng công nghệ mới: Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ động, tích cực phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan trong việc lựa chọn công nghệ xử lý CTR phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam theo hướng giảm tỷ lệ chất thải phải chôn lấp, tăng tỷ lệ chất thải được tái chế, tái sử dụng, trong đó có một số địa phương đã đầu tư, đưa vào vận hành các nhà máy xử lý rác; xây dựng và triển

khai các chương trình, kế hoạch phân loại rác tại nguồn. Điển hình là thành phố Cần Thơ đã đưa Nhà máy đốt rác sinh hoạt phát điện Cần Thơ vào hoạt động với công suất xử lý CTRSH 400 tấn/ngày và phát điện khoảng 60 triệu Kwh/năm; thành phố Hải Phòng đã vận hành nhà máy xử lý CTR Trảng Cát với công nghệ sản xuất rác thải thành phân bón hữu cơ với công.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định khoa học, công nghệ mới là nhân tố đột phá, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong công tác bảo vệ môi trường, chú trọng đầu tư phát triển khoa học, ứng dụng công nghệ mới, như: công nghệ ít chất thải; công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường; công nghệ tái chế và tái sử dụng chất thải; công nghệ carbon thấp, ... đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin, internet kết nối vạn vật và trí tuệ nhân tạo vào phát triển cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường tự động để cảnh báo sớm sự cố môi trường; đồng thời khuyến khích các vùng, khu vực, địa phương ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến về nâng cao năng lực quản lý môi trường, dự báo sớm ô nhiễm môi trường để kịp thời có giải pháp ngăn chặn hiệu quả.

2.4. Hợp tác quốc tế ngành Tài nguyên và Môi trường

Trong thời gian qua, ngành Tài nguyên và Môi trường rất coi trọng hợp tác quốc tế, góp phần thúc đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ môi trường nước ta như huy động nguồn vốn, tăng cường năng lực khoa học công nghệ cho Ngành; tiếp cận được phương pháp luận hiện đại, tiếp thu kinh nghiệm của các nước vào công tác quản lý môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối quốc gia, là thành viên tham gia hiện diện đầy đủ trên các diễn đàn, Hội nghị quốc tế, đàm phán, đối thoại, ... nhằm đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước, đặc biệt chuyển từ quan niệm hợp tác nhận viện trợ sang chủ động hội nhập, sẵn sàng cùng tham gia, chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi.

Hiện nay, Việt Nam tích cực tham gia 19 điều ước quốc tế về môi trường, trong đó tập trung triển khai thực hiện hiệu quả điều ước song phương và đa phương. Đó là, thúc đẩy thực hiện hoạt động hợp tác trong khuôn khổ các Bản ghi nhớ đã ký với Lào, Nga, Ba Lan, Nhật Bản, Trung Quốc, Hà Lan, Italia, Hàn Quốc, Cu Ba, Pháp; xem xét, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền việc ký kết các Bản ghi nhớ cấp Bộ về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu với các đối tác quốc tế tiềm năng. Đa phương, phát huy và thúc đẩy hợp tác với các đối tác trọng tâm như: WB, ADB, UNEP, UNDP, ASEAN, GEF, APEC...; các đối tác trong khuôn khổ các Công ước quốc tế đặc biệt Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC); chú trọng quan hệ hợp tác với các đối tác, tổ chức đa phương có lợi cho mục đích bảo vệ chủ quyền biển và hải đảo, các khuôn khổ đa phương về biển và tài nguyên nước (COBSEA, PEMSEA, UNCLOS...). Tiếp tục đề xuất, thực hiện và quản lý các dự án trong các lĩnh vực

biến đổi khí hậu, môi trường, biển đảo, tài nguyên nước trong khuôn khổ hợp tác với ADB, UNDP, WB, Quỹ Thích ứng, UNEP, UNIDO. Thúc đẩy việc ký kết tham gia 04 thỏa thuận quốc tế bao gồm: Quỹ Thông tin đa dạng sinh học toàn cầu (GBIF); Hiệp hội Khí hậu và Không khí sạch (CCAC); Diễn đàn Khoa học-Chính sách liên chính phủ về đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái (IPBES); Đối tác Không khí sạch Châu Á-Thái Bình Dương (APCAP). Tham gia các hội nghị quốc tế lớn: Hội nghị các bên của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP) Hội nghị các bên tham gia Công ước đa dạng sinh học (COP); các cuộc họp Các quan chức cấp cao (SOM) và các cuộc họp nhóm công tác trong khuôn khổ ASEAN; các Hội nghị cấp cao của Ủy hội sông Mê Kông quốc tế, CLV, CLMV... Từ đó, có nhiều chương trình, dự án về bảo vệ môi trường triển khai thực hiện hiệu quả, như sau:

- Năm 2017, Việt Nam đã điều phối 01 thỏa thuận quốc tế mới về bảo vệ môi trường (Ý định thư giữa Chính phủ Việt Nam và Vương quốc Hà Lan về hợp tác thúc đẩy và triển khai các dự án chuyển đổi có quy mô lớn nhằm mục tiêu phát triển bền vững của đồng bằng sông Cửu Long do Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Thủ tướng Hà Lan Mark Rutte ký ngày 10 tháng 7 năm 2017 tại Hà Lan); ký kết 02 thỏa thuận quốc tế mới với Nhật Bản về tăng trưởng cacbon thấp (JCM), Bộ Môi trường Ba Lan trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Năm 2018, Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trong khuôn khổ hợp tác ASEAN về môi trường; tổ chức thành công nhiều hội nghị, sự kiện lớn, như Hội nghị Đại hội đồng GEF lần thứ 6 tại Đà Nẵng và các sự kiện bên lề Hội nghị, Hội nghị Nhóm công tác ASEAN về giáo dục môi trường lần thứ 10 tại Việt Nam, Hội nghị đối thoại chính sách môi trường Việt Nam - Nhật Bản, các sự kiện trong khuôn khổ hoạt động hợp tác môi trường Việt Nam - Hàn Quốc, Diễn đàn môi trường Việt Nam – Hàn Quốc 2018 tại Hà Nội. Đặc biệt, đã kết thúc việc xử lý gần 14 ha đất sân bay Đà Nẵng sau 06 năm phối hợp với Hoa Kỳ triển khai xử lý dioxin với kinh phí 110 triệu USD; thực hiện ký thỏa thuận viện trợ không hoàn lại với Hoa Kỳ cho dự án xử lý dioxin tại khu vực sân bay Biên Hòa, dự kiến sẽ hoàn thành trong 10 năm với tổng chi phí là 390 triệu USD.

- Năm 2019, Việt Nam đã chủ động, tích cực lồng ghép, đưa các vấn đề hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường vào nội dung trao đổi với lãnh đạo cấp cao giữa các nước trong các chuyến thăm, tiếp xúc song phương và tại các hội nghị khu vực, quốc tế; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về môi trường, như: Diễn đàn Bộ trưởng và Nhà chức trách môi trường châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 3, Hội nghị lần thứ 4 của Đại hội đồng Môi trường Liên Hợp Quốc, Hội nghị các bên tham gia các Công ước Basel, Rotterdam và Stockholm... Đồng thời, Việt Nam đã ký kết Bản ghi nhớ hợp tác về môi trường với Lào; xây dựng các đề xuất dự án về nâng

cao năng lực đàm phán và thực thi các cam kết quốc tế về vấn đề môi trường trong thương mại quốc tế.

- Năm 2020, Việt Nam đã tham gia thành lập mới các cơ chế hợp tác song phương, đa phương như cơ chế Đối thoại Hàn Quốc - ASEAN về môi trường và biến đổi khí hậu, Đối thoại ASEAN - EU về lập bản đồ đổi mới và công nghệ xanh. Các hoạt động hợp tác đa phương và song phương về BVMT đã được tổ chức triển khai phù hợp với tình hình dịch bệnh COVID-19, nhiều cuộc họp hợp tác quốc tế được tổ chức dưới hình thức trực tuyến, bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Việt Nam đã tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế quan trọng, như: Hội nghị Bộ trưởng môi trường Việt Nam - Hàn Quốc, Hội nghị Đối thoại Chính sách môi trường Việt Nam - Nhật Bản, Hội nghị Bộ trưởng Việt Nam - Lào; Hội nghị (trực tuyến) lần thứ 21 của Nhóm công tác ASEAN về môi trường biển và đôi bờ (AWGCME 21); Hội nghị (trực tuyến) Quan chức cao cấp ASEAN về môi trường lần thứ 31 (ASOEN 31); Hội nghị lần thứ 22 Ban Điều hành Trung tâm đa dạng sinh học ASEAN (GB 22) và các hội nghị có liên quan.

Bộ Tài nguyên và Môi trường tích cực triển khai thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, như: chủ động thu hút các nguồn lực đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực quản lý nhà nước của ngành ở các cấp trung ương và địa phương; trao đổi kinh nghiệm cũng như học hỏi, vận động tài trợ để triển khai các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, nhất là nội dung hợp tác quốc tế đã đi vào chiều sâu, như đánh giá tác động môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm hóa chất tồn lưu, bảo tồn đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu,... Tham gia tổ chức các sự kiện lớn về bảo vệ môi trường hằng năm, như: Giờ trái đất, Ngày trái đất (22/4), Ngày môi trường thế giới (5/6), Ngày quốc tế đa dạng sinh học (22/5), Chiến dịch làm cho sạch thế giới hơn,...

Để tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về môi trường trong thời gian tới, ngành Tài nguyên và Môi trường cần cụ thể hóa, xây dựng chương trình hành động Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng “Chủ động, tích cực hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ thông tin, phối hợp nghiên cứu quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm an ninh sinh thái, an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời giảm thiểu các tác động bất lợi từ quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế”⁷ và Nghị quyết Trung ương IV (khóa X) “về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”, trong đó đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư nước ngoài, gắn

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, tập 1, Tr155.

với thu hút đầu tư với giám sát quá trình thực thi, bảo đảm an ninh kinh tế, hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường; khuyến khích các hoạt động hợp tác công - tư tham gia bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn; thực hiện hiệu quả các cam kết với quốc tế cũng như triển khai chiến lược thương mại tự do với các đối tác kinh tế - thương mại phù hợp với lợi ích, đặc thù của đất nước; tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, luật lệ chung, góp giải quyết các vấn đề môi trường thế giới.

III. MỘT SỐ MÔ HÌNH, KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Khối Liên minh châu Âu và các nước thành viên

- Khối Liên minh châu Âu và các nước thành viên đã đi đầu trong việc tiếp cận thực hiện kinh tế tuần hoàn (KTTH) trong khối, khởi đầu thực hiện KTTH là thông qua hai kế hoạch, đó là kế hoạch hành động KTTH và kế hoạch thiết kế sinh thái 2016 – 2019; từ đó mỗi quốc gia thành viên triển khai các hoạt động, hành động theo điều kiện của mỗi nước nhưng phải bảo đảm sự thống nhất thực hiện KTTH theo 4 giai đoạn của vòng đời sản phẩm (sản xuất; tiêu dùng; quản lý chất thải; biến chất thải thành nguyên liệu thứ cấp). Năm 2015, đề xuất ghi rõ nhãn mác của các thiết bị gia dụng và sản phẩm khác phải hiển thị về hiệu suất môi trường, độ bền, liên quan đến năng lượng... Kế hoạch hành động của khối Liên minh châu Âu xác định 6 lĩnh vực ưu tiên thực hiện KTTH gồm: nhựa, chất thải thực phẩm, các nguyên liệu quan trọng, xây dựng và phá dỡ, nhiên liệu sinh khối, sản phẩm sinh học.

- Các hành động thực tiễn được Liên minh châu Âu triển khai thực hiện, như: bảo đảm các quy tắc pháp lý đối với hàng tiêu dùng; các quy định về phân bón; kết nối các nhà sản xuất và nhà đầu tư đến với nhau để tăng cường nền KTTH; thành lập Ngân hàng Đầu tư châu Âu (EIB) nhằm tăng cường nhận thức và sự tham gia của các nhà đầu tư. Ngày 27 tháng 3 năm 2019, Nghị viện châu Âu đã nhất trí về đề xuất xử lý rác thải biến đến từ 10 sản phẩm nhựa sử dụng một lần cũng như các loại dụng cụ đánh bắt cá bị vứt bỏ và nhựa phân hủy oxo. Tháng 3 năm 2020, EU đã đưa ra kế hoạch hành động KTTH mới của EU với các sáng kiến cho toàn bộ vòng đời của sản phẩm, từ thiết kế và sản xuất đến tiêu thụ, sửa chữa, tái sử dụng, tái chế và đưa các nguồn lực trở lại nền kinh tế với các biện pháp lập pháp và phi lập pháp, trong đó nhắm vào mục tiêu các lĩnh vực mà hành động ở cấp độ EU mang lại giá trị gia tăng.

- Để cụ thể hóa tiến trình chuyển đổi sang KTTH, các quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu đã có những hành động chính sách để triển khai, điển hình như sau:

+ Phần Lan là một trong các quốc gia đi đầu phát triển KTTH, đã định hình thúc đẩy kinh tế tuần hoàn từ năm 1967, coi KTTH là giải pháp xây dựng xã hội bền vững trên cơ sở hợp tác công - tư. Phần Lan chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện

các nhiệm vụ, như: dự báo các xu hướng phát triển trên thế giới; tập huấn tăng cường năng lực cho các Bộ, ngành; phát triển KTTH trung tính về carbon; tham gia các diễn đàn, dự án phục vụ phát triển kinh tế bền vững; thúc đẩy các mô hình sản xuất tái tạo và phục hồi, giảm thiểu rác thải; kết nối tiêu thụ hàng hóa, sử dụng dịch vụ đảm bảo phát huy tối đa hiệu quả và thân thiện với môi trường, cũng là quốc gia đầu tiên xây dựng và ban hành lộ trình phát triển KTTH quốc gia.

Năm 2016, Phần Lan xây dựng, phát triển KTTH với sự tham gia của các cơ quan chính phủ, đại diện khu vực công, khu vực tư nhân, các tổ chức, trong đó bao gồm 06 dự án chiến lược và các chương trình thí điểm. Coi trọng, ưu tiên các lĩnh vực (thực phẩm bền vững, vòng tuần hoàn lâm nghiệp, vòng tuần hoàn kỹ thuật, vận tải và logistics và các hành động chung). Các dự án chiến lược gồm: (1) Dự án Hợp tác khu vực; Dự án cung cấp thực phẩm của các địa phương áp dụng sản xuất bền vững cho người dân Phần Lan thông qua các bếp ăn của các đơn vị trong khu vực công; (2) Dự án nhà máy thí điểm áp dụng các kỹ thuật mới trong sản xuất các thiết bị điện và điện tử, qua đó đánh giá việc tái sử dụng các nguyên vật liệu quý hiếm; (3) Dự án Helsinki Metropolitan Smart&Clean tạo ra các khái niệm xuất khẩu mới dựa trên vận tải thông minh carbon thấp bằng việc khai thác các dữ liệu mở; (4) Dự án Phát triển các chế phẩm sinh học nhằm thay thế vai trò của các nhiên liệu hóa thạch được đẩy mạnh trên quy mô công nghiệp lớn; (5) Dự án Mô hình hợp tác của hệ sinh thái ngành công nghiệp ở Bắc cực được tiếp tục thử nghiệm ở bắc Phần Lan nhằm tăng cường cộng sinh công nghiệp; (6) Dự án diễn đàn KTTH thế giới nhằm giới thiệu các giải pháp áp dụng KTTH tốt nhất. Từ đó, Phần Lan tăng cường thực hiện hợp tác sâu rộng về KTTH, để xây dựng lộ trình hướng tới KTTH giai đoạn 2016 – 2020 (gọi tắt là Lộ trình 2.0).

+ Cộng hòa Liên bang Đức đã xác định tuần hoàn vật liệu giúp giảm phụ thuộc vào tài nguyên, bảo đảm phát triển bền vững kinh tế. Năm 1999, Đức đã ban hành Luật về quản lý chất thải và chu trình khép kín, với mục đích để thực hiện việc xử lý chất thải tương thích với môi trường cũng như khả năng đồng hóa chất thải; thúc đẩy nhiều mô hình giảm thiểu chất thải, tái sử dụng, tái chế và đốt rác thải để sản xuất điện và nhiệt. Đức còn phát triển các chính sách năng lượng, công nghiệp và môi trường rất cụ thể ở cấp quốc gia, có vị thế trong lĩnh vực này ở châu Âu, với khuôn khổ pháp lý mạnh mẽ về môi trường, đã giúp Đức trở thành quốc gia tiên phong trong phát triển bền vững, kinh tế carbon thấp hiệu quả hơn và tương thích với tăng trưởng (OECD, 2012).

2. Châu Mỹ

Tại Mỹ, kinh tế tuần hoàn (KTTH) được hình thành trên cơ sở cách tiếp cận dựa vào thị trường, ngoài nhà nước, các chủ thể thị trường khác (doanh nghiệp, các tổ chức có tư cách pháp nhân) được tham gia kinh doanh và cung cấp các hàng hóa và dịch vụ (kể cả các hàng hóa và dịch vụ về bảo vệ môi trường và quản lý tài

nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu) thực hiện theo quy luật cung - cầu của thị trường. Từ đó, khuyến khích doanh nghiệp, các tổ chức... tham gia và sáng kiến phát triển KTTH, đồng thời nhân rộng các điển hình làm tốt. Cụ thể, năm 2013, điển hình tại bang Colorado cấm chôn lấp rác thải điện tử, xuất hiện các doanh nghiệp đứng ra thu gom và tái chế rác thải điện tử; việc thu gom và xử lý rác thải trở thành một hàng hóa mang lại lợi nhuận cao đối với các nhà đầu tư tại Mỹ. Từ đó, xuất hiện các tỷ phú rác nổi tiếng như Wayne Huizenga, đồng thời coi chất thải là tài sản phải được quản lý, thay vì chỉ là thực hiện trách nhiệm pháp lý. Từ mô hình của bang Colorado, có một số thành phố của Mỹ đã xây dựng, ban hành Chiến lược “Zero waste” với mục tiêu không còn chất thải ra ngoài môi trường vào năm 2030. Kết quả là môi trường của Mỹ được bảo vệ, xã hội có thêm công ăn việc làm, Nhà nước không phải chi tiền cho việc xử lý ô nhiễm do rác thải điện tử và rác thải; rác thải còn được tuần hoàn xử lý và mang lại hiệu quả kinh tế.

3. Các quốc gia châu Á

- Nhật Bản được coi là một điển hình thực hiện KTTH tiếp cận ở cấp độ quốc gia. Năm 1991, Nhật Bản bắt đầu thực hiện KTTH bằng việc xây dựng các quy định pháp lý nhằm đưa nước này trở thành một “xã hội dựa trên việc tái chế”; Luật Cơ bản cho việc thành lập một xã hội dựa trên tái chế, có hiệu lực năm 2002, nhằm đưa ra mục tiêu định lượng về tái chế, phi vật chất hóa trong dài hạn. Nhờ vậy, Nhật Bản đã nhanh chóng đạt được tỷ lệ tái chế cao hàng đầu thế giới. Đặc biệt, Luật Tái chế thiết bị của Nhật Bản bảo đảm rằng trên 50% các sản phẩm điện tử được tái chế, so với con số 30-40% ở châu Âu, trong đó các thiết bị này đã được thu hồi quay trở lại phục vụ cho mục đích sản xuất các sản phẩm cùng loại, giúp tiết kiệm chi phí và giảm phụ thuộc vào việc khai thác tài nguyên.

Cách đo lường của Nhật Bản đối với KTTH gồm: chỉ số năng suất tài nguyên đo lường việc sử dụng vật liệu theo tỷ lệ GDP; chỉ số cho tỷ lệ sử dụng vật liệu theo chu kỳ trong nền kinh tế, được đo bằng vật liệu được sử dụng lại theo tỷ lệ của tổng số vật liệu được sử dụng bởi nền kinh tế; một chỉ số đầu ra, đo lường bao nhiêu chất thải cuối cùng được chôn lấp. Các chỉ số này đều đi kèm với mục tiêu liên quan đến nhau. Ngoài ra, Nhật Bản cũng đo lường các chỉ số về nỗ lực xã hội đối với nền KTTH, xem xét đến quy mô của thị trường cho thuê hàng hóa, số lượng bao bì tái sử dụng được bán, số lượng chính quyền địa phương tính phí cho việc thu gom chất thải dư thừa, thậm chí là doanh số bán đĩa dùng một lần như là một cách đo thay thế cho tỷ lệ dân số sử dụng đĩa có thể tái sử dụng.

Khi nói đến việc làm thực sự cho KTTH là thể hiện các hoạt động thiết thực, tính toàn diện và sự hợp tác của cộng đồng xã hội là trung tâm vận hành của hệ thống kinh tế tuần hoàn tại Nhật Bản. Cộng đồng cũng đóng một vai trò quan trọng bằng cách tách rời các vật liệu tái chế, trả phí tái chế trực tiếp và giữ các công ty để hạch

toán khi cần thiết. Các nhà sản xuất thực hiện nghĩa vụ của họ bằng cách sử dụng nhiều vật liệu tái chế hơn và tạo ra các sản phẩm lâu dài hơn, dễ sửa chữa và tái chế.

Hệ thống triển khai KTTH ở Nhật Bản có ba tính năng chính: (1) hệ thống thu hồi thân thiện với người tiêu dùng, hệ thống thu thập các thiết bị cũ để tái chế toàn diện và dễ sử dụng; (2) Người tiêu dùng trả phí trước đối với thiết bị điện tử, các chi phí vận chuyển và phục hồi được thanh toán tại điểm mua, ngoài ra hình phạt cho việc vứt rác bừa bãi cũng được xử lý nghiêm; (3) Cơ sở hạ tầng tái chế là đồng sở hữu, luật pháp yêu cầu liên minh các nhà sản xuất điều hành nhà máy tháo dỡ, đảm bảo họ được hưởng lợi trực tiếp từ việc thu hồi vật liệu và các bộ phận. Kết quả là việc áp dụng các triết lý của KTTH không chỉ giúp các hoạt động kinh tế của Nhật Bản phát triển mà còn mang lại lợi nhuận cao, tạo việc làm cho người dân.

- Singapore nhận thức được sự cần thiết phải cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường bền vững là rất phù hợp với điều kiện tài nguyên, đất đai khan hiếm của Singapore. Từ đó, Singapore triển khai thực hiện kinh tuần hoàn (KTTH) theo nhiều cách, như: triển khai hệ thống trách nhiệm của nhà sản xuất mở rộng (EPR) từ chất thải điện tử vào năm 2021 và mở rộng EPR sang chất thải bao bì, đồng thời tăng cường sự hợp tác và hỗ trợ giữa các ngành công nghiệp với nhau. Chính phủ Singapore kêu gọi tài trợ nghiên cứu theo chủ đề “Sáng kiến tuần hoàn chất thải” nhằm hướng tới việc thiết kế vật liệu nhựa một cách bền vững hơn. Mục tiêu ở đây là nhằm cho phép nhựa có thể được tái sử dụng nhiều hơn, dễ tái chế để làm tăng giá trị của nhựa thải.

4. Bài học cho Việt Nam

Từ các mô hình, kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, để bảo vệ môi trường Việt Nam cần có thay đổi trong cách tiếp cận về kinh tế tuần hoàn như sau:

Thứ nhất: Xây dựng khung pháp lý, chính sách, quy định về KTTH theo hướng tiếp cận từ khu vực kinh tế, trực tiếp các tập đoàn, doanh nghiệp, công ty, Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh; tiếp cận theo các nhóm ngành, sản phẩm, nguyên liệu hoặc vật liệu.

Thứ hai: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó quy định cụ thể về các mục tiêu, nhiệm vụ, trách nhiệm phải thực hiện của các đơn vị sản xuất nguyên liệu, vật liệu; các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm thực hiện kinh tế tuần hoàn; khuyến khích chuyển đổi, ứng dụng KTTH trong các lĩnh vực, như thiết kế sản phẩm, quy trình sản xuất, tiêu dùng sản phẩm, quản lý chất thải, quản lý nguyên liệu thứ cấp, đổi mới đầu tư, các sáng kiến mới và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thứ ba: Chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn sẽ tác động làm thay đổi nền kinh tế, trong đó là các sản phẩm, dịch vụ, nên lựa chọn thí điểm một số ngành, lĩnh vực đi đầu, như ngành xây dựng, nhựa, công nghiệp, nông nghiệp (tập trung vào thực phẩm) để làm tiền đề mở rộng sau.

Thứ tư: Xây dựng khung giám sát trên tiến trình chuyển đổi sang KTTH phù hợp với điều kiện kỹ thuật, tài chính, nhân lực của Việt Nam; xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về KTTH; chủ động hỗ trợ thiết lập hệ thống thông tin KTTH, hệ thống dịch vụ tư vấn kỹ thuật và công bố kịp thời thông tin về công nghệ mới; quản lý và thực hiện tư vấn thông tin, chuyển giao công nghệ và đào tạo.

Thứ năm: Xây dựng diễn đàn chung, website của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương để kết nối cộng đồng xã hội tham gia, chia sẻ kinh nghiệm thành công trong quá trình chuyển đổi thực hiện kinh tế tuần hoàn để khích lệ, cổ vũ ý thức bảo vệ môi trường, đồng thời biểu dương kịp thời các tập đoàn, doanh nghiệp, đơn vị điển hình trong triển khai thực hiện hiệu quả kinh tế tuần hoàn để truyền cảm hứng, lan tỏa sâu rộng trong xã hội.

IV. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tập trung tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường; làm rõ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân đối với việc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững đất nước được nêu trong các nghị quyết của Đảng qua các nhiệm kỳ, nhất là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Tuyên truyền những kết quả, thành tựu trong công tác bảo vệ môi trường thời gian qua ở các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, nhất là kết quả nổi bật, như: hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ môi trường tiếp tục được hoàn thiện; công tác kiểm tra, giám sát và kiểm soát về môi trường được tăng cường, xử lý nghiêm theo quy định pháp luật một số vụ gây ô nhiễm nghiêm trọng; thúc đẩy sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường; nâng cao năng lực nghiên cứu, giám sát biến đổi khí hậu, dự báo khí tượng thủy văn và cảnh báo thiên tai; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế để tìm kiếm các giải pháp nâng cao chất lượng môi trường không khí, hạn chế ô nhiễm môi trường... Đồng thời, phân tích chỉ rõ những hạn chế, bất cập trong công tác kiểm soát các hoạt động khai thác tài nguyên, công tác nắm bắt, dự báo và xử lý các vụ việc ô nhiễm môi trường,... Phát hiện, biểu dương và nhân rộng mô hình hay, điển hình tiên tiến trong các hoạt động, phong trào quần chúng bảo vệ môi trường gắn với việc tuyên truyền, phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

3. Tuyên truyền những tác động, cản trở của sự ô nhiễm, suy thoái môi trường tới mục tiêu phát triển bền vững đất nước; những khó khăn, thách thức đặt ra trong công tác bảo vệ môi trường hiện nay. Tập trung tuyên truyền, khích lệ đề xuất - khuyến khích giải pháp khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh.

4. Tăng cường tuyên truyền đối ngoại, chia sẻ thông tin, phối hợp nghiên cứu, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm an

ninh sinh thái, an ninh môi trường..., đồng thời giảm thiểu các tác động bất lợi từ quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

5. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền thông tin tích cực, có định hướng; đấu tranh, phản bác lại những thông tin, quan điểm sai trái, xuyên tạc, lợi dụng những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường kích động, chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ nội bộ và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị khóa IX về *Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.

2. Nghị quyết 24-NQ/TW, ngày 3/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI ban hành về *Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*.

3. Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 21/01/2009 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41 của Bộ Chính trị khóa IX về *Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.

4. Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về “*Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*”.

5. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X, XI, XII, XIII của Đảng.

6. Hướng dẫn số 169 -HD/BTGTW ngày 22/01/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương về *Hướng dẫn tuyên truyền bảo vệ môi trường, phát triển bền vững đất nước*.

7. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

8. Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về “*Một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường*”.

9. Nghị định số 53/2020/NĐ-CP, ngày 5/5/2020 của Chính phủ về “*Quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải*”.

10. Nghị định số 54/2021/NĐ-CP, ngày 21/5/2021 của Chính phủ “*Quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường*”.

11. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050.

12. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030...

13. Nghị định số 03/VBHN-BTNMT, ngày 28/11/2028 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về *Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường*.

14. Nghị định số 09/VBHN-BTNMT, ngày 25/10/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải và phế liệu.

15. Báo cáo hiện trạng Môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

16. Báo cáo kinh tế tuần hoàn (HSF -14/11/2020) – Viện Chiến lược, chính sách Tài nguyên môi trường.

17. Báo cáo kinh nghiệm quốc tế, thực tiễn Việt Nam - Viện Chiến lược, chính sách Tài nguyên môi trường.

18. Báo cáo quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu ở Pháp, Nhật, Trung Quốc - Viện Chiến lược, chính sách Tài nguyên môi trường./.